

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 108 ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang)

Tên chương trình: Đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Quản lý đất đai (Land Management)

Mã ngành: 60850103

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai nhằm giúp các học viên bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành, tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng những kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam nói chung và ở khu vực các tỉnh vùng Đông Bắc nói riêng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức:

Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thành với Tổ quốc và nhân dân, yêu thích và tâm huyết với nghề đã chọn, trung thực trong cuộc sống và khoa học, không ngừng phấn đấu cho sự tiến bộ của bản thân và xã hội trong chuyên môn được đảm nhiệm và theo đuổi.

1.2.2. Về kiến thức:

- Học viên được bổ sung, cập nhật và nâng cao các kiến thức lý luận, phương pháp luận về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ môi trường đất; Phân tích, đánh giá chiến lược chính sách đất đai; Triển khai tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Quản lý đất đai; Nghiên cứu quản lý và sử dụng đất thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Học viên có thể phát huy, vận dụng một cách linh hoạt và có hiệu quả kiến thức chuyên môn vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan quản lý, đơn vị sản xuất, sự nghiệp theo các chuyên ngành chuyên sâu qua các môn

học tự chọn và chuyên đề nghiên cứu.

1.2.3. Về kỹ năng:

- Học viên được rèn luyện, nâng cao kỹ năng hoạt động nghề nghiệp và vận dụng các kỹ năng về quản lý đất đai, phân tích đánh giá tiềm năng đất đai, bảo vệ và phục hồi nguồn tài nguyên đất, ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý đất đai, xây dựng hệ thống đăng ký đất đai hiện đại;

- Học viên có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, tích lũy được các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, áp dụng trong công tác chuyên môn;

- Có kỹ năng tốt trong giao tiếp và đàm phán.

1.2.4. Về khả năng và vị trí công tác

- Học viên sau khi tốt nghiệp với kiến thức được nâng cao có thể tiếp tục độc lập nghiên cứu và công tác phục vụ giải quyết các vấn đề trong quản lý và sử dụng đất theo mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế, quốc tế;

- Học viên có thể làm việc trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ Trung ương đến địa phương có liên quan lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; Các đơn vị sự nghiệp như ban giải phóng mặt bằng, trung tâm phát triển quỹ đất, trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường; các đơn vị sản xuất kinh doanh; các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ; tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đào tạo, tư vấn thuộc lĩnh vực Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

2. Thời gian đào tạo

Tổng thời gian đào tạo là 2 năm, được chia thành 04 học kỳ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Toàn bộ chương trình được thiết kế với tổng số 60 tín chỉ. Chương trình đào tạo được phân bố như sau:

Phần kiến thức chung: 7 tín chỉ (11,67 %)

Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 38 tín chỉ (63,33 %)

Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ (25 %)

Tổng số: 60 tín chỉ (100%)

Khối lượng kiến thức bắt buộc ngoài phần kiến thức chung 2 học phần (7 tín chỉ). Các học phần cơ sở và chuyên ngành, có 9 học phần bắt buộc (20 tín chỉ), phần lựa chọn của kiến thức cơ sở và chuyên ngành (18/36 tín chỉ và Luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh chi tiết theo Điều 8 của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo thông tư 15/2014/TT – BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang ban hành theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

Đối tượng dự thi trình độ đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai của Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang có đủ các điều kiện sau:

a. Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ, đã học bổ sung kiến thức;

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

b. Lý lịch bản thân rõ ràng

- Không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

c. Có đủ sức khoẻ để học tập

- Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định tại điểm e khoản 1, điều 9 của quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành theo thông tư 15/2014/TT – BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

d. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai định hướng nghiên cứu được thiết kế nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người học có thể tham gia theo học và bảo đảm chất lượng cao nhất. Học viên có thể hoàn thành chương trình và bảo vệ luận văn tốt nghiệp trong thời gian 24 tháng.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo; Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang, cụ thể là:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo (60 TC), có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định; luận văn được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định; công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

6. Thi, kiểm tra, đánh giá

Việc thi, kiểm tra đánh giá học phần được thực hiện theo điều 25 của Quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014

của Bộ Giáo dục & Đào tạo; theo điều 26 của Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

7. Nội dung chương trình

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
		Kiến thức chung	7		
LLC	3002	Triết học (Philosophia)	3	2	1
THN	3001	Tiếng Anh (English)	4	2	2
		Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	38		
		Các học phần bắt buộc	20		
QLD	3001	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai (The methodology of scientific research in land management)	2	1,5	0,5
QLD	3002	Trắc địa nâng cao (Advance geodesy)	3	2	1
QLD	3003	Phân tích chính sách pháp luật đất đai (Land policy analysis)	2	1,5	0,5
QLD	3004	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu (Land resources management)	2	1,5	0,5
QLD	3005	Đánh giá đất nâng cao (Advanced land evaluation)	2	1,5	0,5
QLD	3006	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai (Applied Remote Sensing and GIS Technology for land management)	3	2,0	1,0
QLD	3007	Hệ thống tài chính đất và định giá đất nâng cao (Advanced land finance a and land valuation)	2	1,5	0,5
QLD	3008	Quy hoạch sử dụng đất (Land use planning)	2	1,5	0,5
QLD	3009	Ứng dụng công nghệ số trong đo vẽ bản đồ (Digital technology aplycation in mapping)	2	1,5	0,5
		Các học phần lựa chọn (18/36)	36		
QLD	3010	Hệ thống đăng ký đất đai phát triển (Developpement Land Registration System)	2	1,5	0,5
QLD	3011	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất (Land resource protection and regeneration)	3	2,5	0,5

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
QLD	3012	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững (Landscape ecological base for land use planning)	2	1,5	0,5
QTK	3036	Lập và quản lý dự án đầu tư phát triển (Proposal and management for developing investment project)	2	1,5	0,5
QLD	3014	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao (Advanced agricultural land use planning)	3	2,5	0,5
QLD	3015	Hệ thống quản lý nhà nước về đất đai (Land administration system)	3	2,5	0,5
KTE	3037	Sử dụng đất và kinh tế đất nâng cao (Advanced land use and land economics)	2	1,5	0,5
QLD	3017	Quy hoạch và quản lý đất đô thị, khu công nghiệp (Urban Land planning and Industrial Zone and Urban management)	3	2,5	0,5
QLD	3018	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai (Applying GPS technology in land management)	2	1,5	0,5
QLD	3019	Quy hoạch vùng lãnh thổ (Territorial and regional planning)	3	2,5	0,5
TNM	3020	Môi trường và phát triển bền vững (Environment and sustainable development)	3	2,5	0,5
QLD	3021	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu (Land use management in the context of climate change)	2	1,5	0,5
QLD	3022	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp (Integrated land resource management)	2	1,5	0,5
QLD	3023	Seminar chuyên ngành 1 (Special Topic 1)	2	0	2
QLD	3024	Seminar chuyên ngành 2 (Special Topic 2)	3	0	3
QLD	3025	Luận văn (Thesis)	15		
		Tổng cộng:	60		

8. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

8.1. Triết học (3TC: 2,0LT – 1,0TH)

Theo chương trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

8.2. Tiếng Anh (4TC: 2,0LT – 2,0TH)

Học phần này giúp học viên rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt các nội dung liên quan nhiều đến chuyên ngành Quản lý đất đai. Giúp học viên phát triển kỹ năng đọc viết nhằm từng bước giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc và tóm tắt các tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh trong quá trình nghiên cứu sau này.

8.3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Cung cấp các kiến thức về lập kế hoạch, thiết kế, phương pháp nghiên cứu và hoàn thiện luận văn/đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai, là học phần nâng cao của học phần Phương pháp tiếp cận khoa học trong quản lý tài nguyên và môi trường đã học trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai. Học phần bao gồm các nội dung chính như sau: tổng quan các vấn đề về khoa học và nghiên cứu khoa học; các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học; các bước hình thành một đề tài nghiên cứu khoa học và các bước để xây dựng hoàn thành một đề tài nghiên cứu khoa học.

8.4. Trắc địa nâng cao (3TC: 2LT – 1TH)

Học phần Trắc địa nâng cao là học phần nâng cao của các học phần Trắc địa 1, Trắc địa 2 trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Quản lý đất đai. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản sau: trắc địa và những khái niệm; hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia - tính chuyển tọa độ; công nghệ định vị toàn cầu; thành lập bản đồ địa hình số tỷ lệ lớn và mô hình số độ cao; thành lập cơ sở dữ liệu bản đồ số ứng dụng trong quản lý đất đai;

Phần thực hành giúp học viên thực hiện một số bài toán ứng dụng công tác trắc địa trong quản lý đất đai.

8.5. Phân tích chính sách pháp luật đất đai (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về: các khái niệm có liên quan về chính sách đất đai, tác động của chính sách đất đai đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội; chính sách đất đai hiện hành ở Việt Nam; các kinh nghiệm quốc tế trong việc đề xuất chính sách đất đai ở Việt Nam.

8.6. Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về: các khái niệm và kiến thức liên quan đến cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu; một số hệ thống đất đai đa mục tiêu trên thế giới, từ đó đưa ra những kinh nghiệm cho Việt Nam; kỹ năng phân tích, đánh giá và thiết kế cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin.

8.7. Đánh giá đất nâng cao (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản sau: các quan điểm đánh giá đất đai được sử dụng trên thế giới và Việt Nam; nội dung, nguyên tắc và kỹ thuật xác định các đơn vị bản đồ đất đai và loại hình sử dụng đất; nội dung, nguyên tắc và các bước phân hạng thích nghi đất đai; sử dụng các mô hình hiện đại trong phân hạng thích nghi đất đai, bao gồm kết hợp hệ thống đánh giá đất đai tự động (ALES) với hệ thống tin địa lý (GIS), sử dụng các phương pháp đánh giá đa chỉ tiêu (ma trận tam giác, AHP), sử dụng các mô hình phân tích đa biến (phân tích thành phần chính, phân tích nhân tố).

8.8. Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai (3TC: 2LT – 1TH)

Học phần sẽ trang bị cho học viên những nguyên lý căn bản và nâng cao về ứng dụng của viễn thám và GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ đăng ký quyền sử dụng đất, cung cấp những công cụ phân tích dữ liệu cho đánh giá đất và quy hoạch đất đai và theo dõi biến động đất đai;

Phần thực hành giúp học viên thực hiện một số ứng dụng chính của GIS và viễn thám trong ngành quản lý đất đai.

8.9. Hệ thống tài chính đất và định giá đất nâng cao (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Hệ thống tài chính đất và định giá đất nâng cao là học phần nâng cao của các học phần Định giá đất, Kinh tế đất đai học trong chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai. Học phần Hệ thống tài chính đất và định giá đất nâng cao bao gồm những nội dung cơ bản sau: tổng quan về tài chính đất và định giá đất; hệ thống tài chính về đất đai; nguyên tắc, quy trình, tổ chức thực hiện việc định giá đất.

8.10. Quy hoạch sử dụng đất (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Học phần này sẽ trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về: nội dung và tầm quan trọng của các luận cứ khoa học về quy hoạch sử dụng đất bền vững trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai và trong thực tiễn; các phương pháp áp dụng trong quy hoạch sử dụng đất bền vững; cơ sở pháp lý về quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam; công nghệ và kinh nghiệm quốc tế trong việc đề xuất phương án quy hoạch sử dụng đất; xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất; kế hoạch sử dụng đất trên quan điểm phát triển bền vững.

8.11. Ứng dụng công nghệ số trong đo vẽ bản đồ (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về: tổng quan về công nghệ thành lập bản đồ; một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ; hiệu quả và khả năng khai thác dữ liệu của công nghệ bản đồ hiện đại trong quản lý đất đai.

8.12. Hệ thống đăng ký đất đai phát triển (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Học phần này là học phần nâng cao của học phần Đăng ký và thống kê đất đai đã học trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: khái niệm và cấu trúc, lợi ích và yêu cầu của hệ thống đăng ký đất đai hiện đại; bộ máy nhân sự, thủ tục và quy trình đăng ký đất đai; hệ thống cơ sở dữ liệu trong đăng ký đất đai.

8.13. Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất (3TC: 2,5LT – 0,5TH)

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức về công tác bảo vệ và phục hồi nguồn tài nguyên đất. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: tổng quan về tài nguyên đất; bảo vệ và quản lý đất đai; hướng dẫn về hoạt động phục hồi đất.

8.14. Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa cảnh quan và quy hoạch sử dụng đất đai. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: lược sử sinh thái cảnh quan và các quan niệm; mô hình sinh thái học về các yếu tố cảnh quan; metric cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất đa chức năng; quy hoạch sử dụng đất cho phục hồi cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất dựa trên dấu chân sinh thái; quy hoạch sử dụng đất khu nông thôn và đô thị; quy hoạch không gian xanh đô thị; quy hoạch hành lang đa dạng sinh học; quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn tự nhiên.

Học phần tiên quyết: Quy hoạch sử dụng đất.

8.15. Lập và quản lý dự án đầu tư phát triển (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Học phần này trang bị cho học viên những nội dung cơ bản liên quan đến việc lập và quản lý các dự án đầu tư, cụ thể như sau: khái niệm đầu tư, đầu tư phát triển và vai trò của đầu tư phát triển; khái niệm và công dụng của dự án đầu tư phát triển; đặc trưng, phân loại và chu kỳ dự án đầu tư phát triển; trình tự, nội dung nghiên cứu và công tác tổ chức soạn thảo dự án đầu tư; nghiên cứu các căn cứ chủ yếu hình thành dự án; nghiên cứu khía cạnh kỹ thuật, khía cạnh tổ chức quản lý và nhân sự dự án đầu tư; phân tích tài chính dự án đầu tư; phân tích khía cạnh kinh tế - xã hội dự án đầu tư; lựa chọn dự án đầu tư; khái niệm, mục tiêu và nội dung quản lý dự án; lập kế hoạch quản lý dự án; giám sát và đánh giá dự án.

8.16. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao (3TC: 2,5LT – 0,5TH)

Học phần Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao sẽ trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về: nội dung, phương pháp luận và kiến thức nâng cao trong lập quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp trên cơ sở đánh giá tính thích hợp, khả năng chịu tải của đất đai kết hợp lợi thế so sánh, phân vùng lãnh thổ sản xuất nông nghiệp cùng các giải pháp hợp lý trong sử dụng đất bền vững để phát triển sản xuất nông nghiệp; các phương pháp trong các bước quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp cho một khu vực cụ thể; quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp trên quan điểm phát triển bền vững.

Học phần tiên quyết: Quy hoạch sử dụng đất.

8.17. Hệ thống quản lý Nhà nước về đất đai (3TC: 2,5LT – 0,5TH)

Học phần này là học phần nâng cao của học phần Quản lý hành chính về đất đai trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Quản lý đất đai. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về: cơ sở lý luận về hệ thống quản lý Nhà nước và hệ thống quản lý Nhà nước về đất đai; các công cụ và phương pháp quản lý Nhà nước về đất đai; bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta hiện nay.

8.18. Sử dụng đất và kinh tế đất nâng cao (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Đây là học phần nâng cao của học phần Kinh tế đất trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Quản lý đất đai. Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản sau: tổng quan về đất đai và sử dụng đất đai; tổng quan về kinh tế đất, địa tô; lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế sử dụng đất; đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp.

8.19. Quy hoạch và quản lý đất đô thị, khu công nghiệp (3TC: 2,5LT – 0,5TH)

Học phần này là học phần nâng cao của học phần Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: khái niệm, mối quan hệ và quá trình hình thành và phát triển đô thị; công tác quản lý và kiểm soát phát triển đô thị; nội dung của đất đai và nhà ở đô thị.

Học phần tiên quyết: Quy hoạch sử dụng đất.

8.20. Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức về: công nghệ định vị vệ tinh; ứng dụng trong công tác đo đạc, quản lý đất đai. Học viên biết cách phân tích thiết kế và ứng dụng thực tế nâng cao hiệu quả của công nghệ trong quản lý đất đai.

Học phần tiên quyết: Trắc địa nâng cao.

8.21. Quy hoạch vùng lãnh thổ (3TC: 2,5LT – 0,5TH)

Học phần Quy hoạch vùng lãnh thổ cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức cơ bản về: nội dung và các quan điểm về quy hoạch vùng trên thế giới và Việt Nam; đặc trưng các yếu tố cơ bản tạo vùng; các lý thuyết cổ điển và hiện đại về quy hoạch vùng; những bài học kinh nghiệm về quy hoạch vùng lãnh thổ trên thế giới; các vấn đề quy hoạch vùng lãnh thổ ở Việt Nam.

Học phần tiên quyết: Quy hoạch sử dụng đất.

8.22. Môi trường và phát triển bền vững (3TC: 2,5LT – 0,5TH)

Học phần trang bị cho học viên hệ thống những nguyên lý căn bản và nâng cao về khoa học môi trường và phát triển bền vững, giúp học viên áp dụng những nguyên lý này để thiết kế các chiến lược, quy hoạch đất đai theo hướng phát triển bền vững. Giúp học viên nâng cao các kỹ năng: xác định và phân tích các vấn đề môi trường liên quan đến quản lý sử dụng đất; phân tích, đánh giá và lựa chọn các giải pháp kỹ thuật và chính sách sử dụng đất để giảm thiểu tác động tiêu cực của sử dụng đất đến chất lượng môi trường.

8.23. Quản lý sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản và nâng cao về sử dụng đất và biến đổi khí hậu, cung cấp những cơ sở khoa học cho xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất theo hướng phát thải thấp từ lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất bền vững.

8.24. Quản lý tài nguyên đất tổng hợp (2TC: 1,5LT – 0,5TH)

Học phần Quản lý tài nguyên đất tổng hợp cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức nâng cao và các bộ công cụ trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất. Bao gồm các nhóm vấn đề: những vấn đề chung và nâng cao về quản lý tổng hợp tài nguyên đất; luật pháp và công cụ hành chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất; các công cụ đánh giá, dự báo và quy hoạch sử dụng tài nguyên đất; các công cụ kinh tế trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất.

8.25. Seminar chuyên ngành 1 (2TC: 0LT – 2,0TH)

Giúp học viên tổng hợp các kiến thức đã được học thuộc nhóm các học phần quản lý và quy hoạch thông qua học tập, trao đổi kinh nghiệm, tìm hiểu các mô hình thực tế tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

8.26. Seminar chuyên ngành 2 (3TC: 0LT – 3,0TH)

Giúp học viên tổng hợp các kiến thức đã được học thuộc nhóm các học phần ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đất đai thông qua học tập, trao đổi kinh nghiệm,

tìm hiểu các mô hình công nghệ đã được nghiên cứu và ứng dụng thực tế trong công tác quản lý đất đai tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

8.27. Luận văn (15TC – 0 – 15,0)

Luận văn Thạc sĩ đào tạo theo **định hướng nghiên cứu** là một báo cáo chuyên đề, kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế. Học viên được phép bảo vệ luận văn thạc sĩ sau khi hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành.

9. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ I

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Học phần tiên quyết
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
1	THN 3001	Tiếng Anh	4	2,0	2,0	
2	LLC 3002	Triết học	3	2,0	1,0	
3	QLD 3001	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai	2	1,5	0,5	
4	QLD 3002	Trắc địa nâng cao	3	2,0	1,0	
5	QLD 3005	Đánh giá đất nâng cao	2	1,5	0,5	
		Cộng	14			

Học kỳ II

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Học phần tiên quyết
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
		Các học phần bắt buộc	6			
1	QLD 3003	Phân tích chính sách pháp luật đất đai	2	1,5	0,5	
2	QLD 3004	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	2	1,5	0,5	
3	QLD 3008	Quy hoạch sử dụng đất	2	1,5	0,5	

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Học phần tiên quyết
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
		Các học phần lựa chọn	9/18			
1	QLD 3011	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất	3	2,5	0,5	
2	QLD 3017	Quy hoạch và Quản lý đất đô thị, khu công nghiệp	3	2,5	0,5	Quy hoạch sử dụng đất
3	QLD 3010	Hệ thống đăng ký đất đai phát triển	2	1,5	0,5	
4	QLD 3014	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao	3	2,5	0,5	Quy hoạch sử dụng đất
5	QLD 3021	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	2	1,5	0,5	
6	QLD 3018	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	2	1,5	0,5	Trắc địa nâng cao
7	QLD 3015	Hệ thống quản lý nhà nước về đất đai	3	2,5	0,5	
		Cộng	15			

Học kỳ III

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Học phần tiên quyết
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
		Các học phần bắt buộc	7			
1	QLD 3006	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	3	2,0	1,0	
2	QLD 3007	Hệ thống tài chính đất và định giá đất nâng cao	2	1,5	0,5	
3	QLD 3009	Ứng dụng công nghệ số trong đo vẽ bản đồ	2	1,5	0,5	
		Các học phần lựa chọn	9/19			
1	QLD 3012	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững	2	1,5	0,5	Quy hoạch sử dụng đất
2	QTK 3036	Lập và Quản lý dự án đầu tư phát triển	2	1,5	0,5	
3	KTE 3037	Sử dụng đất và kinh tế đất nâng cao	2	1,5	0,5	
4	TNM 3020	Môi trường và phát triển bền vững	3	2,5	0,5	

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Học phần tiên quyết
			Tổng số	LT	TH, TN, TL	
5	QLD 3019	Quy hoạch vùng lãnh thổ	3	2,5	0,5	Quy hoạch sử dụng đất
6	QLD 3022	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	2	1,5	0,5	
7	QLD 3023	Seminar chuyên ngành 1	2	0	2	
8	QLD 3024	Seminar chuyên ngành 2	3	0	3	
		Cộng	16			

Học kỳ IV

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ	Học phần tiên quyết
1	QLD 3025	Luận văn tốt nghiệp	15	
		Tổng cộng:	60	

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Tổ chức đào tạo

- Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ này được sử dụng để đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai theo định hướng nghiên cứu.

- Chương trình được tổ chức giảng dạy trong 4 học kỳ, trong đó:

+ Học kỳ 1 dự kiến giảng dạy 5 học phần thuộc nhóm kiến thức chung, nhóm kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, tổng số 14 tín chỉ.

+ Học kỳ 2 dự kiến giảng dạy 3 học phần (6 tín chỉ) bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, tổng số 15 tín chỉ.

+ Học kỳ 3 dự kiến giảng dạy 3 học phần (7 tín chỉ) bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, tổng số 16 tín chỉ.

+ Học kỳ 4 học viên làm luận văn tốt nghiệp 15 tín chỉ.

10.2. Quy đổi thời gian

- Tỷ lệ thời gian học lý thuyết và thực hành của học phần là: lý thuyết 70%, thực hành 30%. Số tín chỉ thực hành của học phần tối thiểu 0,5 tín chỉ;

- 1 tín chỉ (1TC) = 15 tiết lý thuyết; 30 tiết bài tập, thảo luận; 30 giờ thí nghiệm, thực hành; 60 giờ (1,5 tuần) thực tập, bài tập lớn, đồ án, tiểu luận;

- Luận văn tốt nghiệp được bố trí 15 tín chỉ, tương đương với quỹ thời gian là 24 tuần. Thực hiện luận văn thạc sĩ theo điều 27 của Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

10.3. Về việc lựa chọn các học phần tự chọn

Chương trình đào tạo bao gồm 15 học phần tự chọn, tương ứng 36 tín chỉ để hoàn thành chương trình đào tạo học viên phải lựa chọn 18/36 tín chỉ.

Sinh viên nên tham khảo ý kiến của cố vấn học tập trước khi lựa chọn các học phần tự chọn để đảm bảo các học phần tự chọn phải sát với thực tiễn sản xuất và nằm trong chương trình đào tạo của ngành, có thể tiếp tục theo học ở bậc học cao hơn.

Việc tổ chức đào tạo, đánh giá, xếp loại và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.
